TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG** **TỈNH ĐIỆNBIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày: 02/11/2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất nông nghiệp (đất quy hoạch làm nương, rẫy)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lê Hồng Quang

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thanh Mai.

2. Ông Quàng Ngọc Tiên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông tham gia phiên tòa*:** Bà Cao Thị Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2018/TLST-DS ngày 14/6/2018, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất nông nghiệp theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-DS ngày 12/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông **Mùa Chồng L** - Sinh năm 1968. Trú tại bản Tin Tốc B, xã Pú H, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Mùa A Dếnh - Sinh năm 1988. Trú tại bản Tin Tốc B, xã Pú H, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên (theo văn bản ủy quyền ngày 13/6/2018). Có mặt.

***Bị đơn*:** ông **Lầu Chứ V** (tên gọi khác **Lầu Vả Ch**) - Sinh năm 1975. Trú tại bản Huổi Dên, xã Pú H, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Người phiên dịch cho bị đơn: Chị Thào Thị Mỹ Hoa - Sinh năm 1991. Trú tại: Tổ 10, thị trấn Điện Biên Đông, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 13/6/2018; các bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Ông Mùa Chồng L có một mảnh đất tại khu vực Tết Đắt Dầu giáp ranh giữa bản Tin Tốc B và bản Huổi Dên, xã Pú H, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên. Nguồn gốc mảnh nương này là do ông Mùa Chồng L tự khai phát vào năm 1997 nhân dân hai bản Tin Tốc và bản Huổi Dên đều biết bởi vào năm 1997 hai bản Tin Tốc và bản Huổi Dên phân chia ranh giới cho nhân dân canh tác không được tranh chấp thì mảnh đất trên thuộc bản Tin Tốc nên từ năm 1997 gia đình ông Mùa Chồng L bắt đầu phát làm nương và chăn thả gia súc không tranh chấp với ai. Đến tháng 9/2017 ông Lầu Chứ V đến đòi đất nhưng gia đình không trả, tháng 4/2018 thì ông Lầu Chứ V tự ý đến phát gieo lúa trên diện tích đất đó. Gia đình làm đơn lên UBND xã Pú Hồng yêu cầu giải quyết tranh chấp, UBND xã Pú Hồng đi đo đạc diện tích tranh chấp là 9.900m^2 và giải quyết buộc ông Lầu Chứ V trả lại diện tích đất trên cho ông Mùa Chồng L nhưng ông Và không đồng ý. Nên ông Mùa Chồng L làm đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông Lầu Chứ V trả lại diện tích đất nương trên. Ông Mùa Chồng L có cung cấp cho Tòa án giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00514/QSDĐ/300/QĐ-UB/H- 2004 ngày 12/3/2004 để chứng minh mảnh nương trên đã được cấp giấy chứng nhận cho gia đình ông, mảnh nương thuộc thửa số 156 có diện tích là 12.774m^2.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đi xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc lại diện tích đất tranh chấp là 9.420m^2 thuộc tiểu khu 802, khoảnh 6 được quy hoạch làm nương rẫy; chưa giao cho tổ chức, cá nhân nào. Nguyên đơn ông Mùa Chồng L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Lầu Chứ V trả lại diện tích 9.420m^2 cho ông sử dụng với lập luận: Việc ông cung cấp giấy chứng nhận số 00514/QSDĐ/300/QĐ-UB/H-2004 ngày 12/3/2004 để chứng minh mảnh nương trên đã được cấp giấy chứng nhận cho gia đình ông là do ông nhầm lẫn, khu đất tranh chấp không nằm trong giấy chứng nhận trên, nhưng thực tế gia đình ông đã sử dụng mảnh đất trên liên tục, lâu dài từ năm 1997 đến khi có tranh chấp. Hơn nữa năm 1997 đại diện hai bản Tin Tốc và bản Huổi Dên đã đi đo đạc phân định ranh giới hai bản để nhân dân tiện canh tác không tranh chấp thì mảnh đất đang tranh chấp thuộc địa phận bản Tin Tốc B, xã Pú Hồng và ngày 6/4/2017 đại diện hai bên bản Tin Tốc B và bản Huổi Dên cũng đã đi phân định lại ranh giới hai bản cũng đã xác định diện tích đất tranh chấp thuộc bản Tin Tốc B nên gia đình ông được sử dụng là hợp lý.

Tại buổi hòa giải ngày 09/10/2018 đến tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có bổ sung yêu cầu đề nghị Tòa Tòa án cho thu hoạch toàn bộ diện tích lúa nương do bị đơn ông Lầu Chứ V tự ý gieo trên diện tích đất đang tranh chấp để chia đôi hoặc tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước để trả lại đất cho nguyên đơn.

Bị đơn ông Lầu Chứ V quá trình giải quyết tranh chấp và tại phiên tòa hôm nay đều trình bày:

Ông Lầu Chứ V khẳng định là hiện nay ông đang gieo lúa và quản lý mảnh nương đang trang chấp như ông Mùa Chồng L trình bày. Tuy nhiên, ông Lầu Chứ V không đồng ý trả lại cho ông Mùa Chồng L vì: Diện tích đất tranh chấp trên là do bố ông là Lầu Khua Vừ (đã chết) cùng gia đình khai hoang từ năm 1985 để làm nương, sử dụng hai, ba vụ thì hết màu nên bỏ hoang từ năm 1992. Trong quá trình bỏ hoang có cho anh em, con cháu trong bản chăn thả gia súc. Năm 1997 cho ông Giàng Dúa Vừ mượn chăn thả gia súc, sau đó ông Giàng Dúa Vừ cho ông Mùa Chồng L phát làm nương rẫy gia đình có biết nhưng không nói gì đến năm 2010 ông Lầu Chứ V đến đòi lại đất nhưng ông Mùa Chồng L không trả; đến tháng 9/2017 đến đòi lần nữa ông Và cũng không trả nên đến tháng 4/2018 ông Và mới đến phát và gieo lúa trên đất đó. Như vậy, mảnh đất nương đó do bố của ông Lầu Chứ V và gia đình khai hoang đầu tiên, nên theo phong tục canh tác của dân tộc Mông đất đó là đất của gia đình ông nên nay ông tiếp tục làm, không trả lại cho ông Mùa Chồng L.

Ngày 25/9/2018 Tòa án tiến hành đi xem xét, thẩm định tại chỗ khu đất tranh chấp. Phối hợp với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất; Hạt kiểm lâm huyện Điện Biên Đông và UBND xã Pú Hồng sử dụng thiết bị GPS định vị khu đất tranh chấp; đối chiếu với Bản đồ quy hoạch 03 loại rừng năm 2005; Bản đồ giao đất giao rừng của huyện Điện Biên Đông năm 2014 xác định được như sau: Mảnh đất đang tranh chấp có diện tích 9.420m^2, thuộc khoảnh 6, tiểu khu 802; được quy hoạch làm đất nương rẫy; chưa cấp, giao cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nào. Hiện nay trên đất có trồng lúa nương sắp thu hoạch do bị đơn Lầu Chứ V gieo trồng, quản lý.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông Giàng Dúa Vừ ở bản Tin Tốc B có lời khai ngày 10/9/2018 thể hiện khu đất tranh chấp giữa ông Mùa Chồng L và ông Lầu Chứ V là ông xin của bố ông Lầu Chứ V sử dụng sau đó cho ông Mùa Chồng L sử dụng từ năm 1997 đến nay. Lời khai của nguyên trưởng bản Tin Tốc và bản Huổi Dên cũng có lời khai thể hiện có sự việc hai bản đã tự phân chia ranh dưới năm 1997 để nhân dân hai bản không tranh chấp và khu đất tranh chấp giữa ông Mùa Chồng L và ông Lầu Chứ V thuộc bản Tin Tốc và ông Mùa Chồng L sử dụng từ năm 1997 đến nay là có thực. Một số lời khai của các hộ dân cùng canh tác với các đương sự cũng thể hiện gia đình bị đơn Lầu Chứ V đã phát làm nương từ năm 1985 sau đó đất hết màu mỡ bỏ hoang, thì gia đình ông Mùa Chồng L đến phát làm nương từ năm 1997 đến nay.

Tòa án cũng đã có văn bản hỏi ý kiến của UBND xã Pú Hồng về thực trạng đất đang tranh chấp. Tại văn bản số 20/CV- UBND ngày 5/10/ 2018 UBND xã Pú Hồng có ý kiến khu đất đang tranh chấp quy hoạch là đất nương rẫy, do chưa có chủ trương làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nên chưa giao cho cá nhân, tổ chức nào. UBND xã Pú Hồng cũng có ý kiến khu đất đang tranh chấp do ông Mùa Chồng L xin lại của ông Giàng Dúa Vừ, ông Vừ xin của ông Lầu Khua Vừ bố của Lầu Chứ V và đề nghị Tòa án xem xét giao cho ông Mùa Chồng L sử dụng vì gia đình ông Mùa Chồng L đã sử dụng ổn định lâu dài từ năm 1997 đến nay.

Viện kiểm sát tham dự phiên tòa có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng thì Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa, nguyên đơn và những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng

Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Mùa Chồng L, buộc bị đơn ông Lầu Chứ V phải trả lại mảnh đất nương có diện tích 9.420m^2 tại khu vực Tết Đắt Dầu cho ông Mùa Chồng L tiếp tục sử dụng. Đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lầu Chứ V vì thuộc hộ nghèo. Về chi phí tố tụng các đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Mùa Chồng L đòi ông Lầu Chứ V trú tại bản Huổi Dên, xã Pú Hồng, huyện Điện Biên Đông trả lại mảnh đất có diện tích 9.420m^2 tại khu vực Tết Đắt Dầu, thuộc khoảnh 6, tiểu khu 802. Hội đồng xét xử xét thấy, tuy diện tích đất tranh chấp trên các đương sự không cung cấp được các giấy tờ chứng minh được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp, giao quyền sử dụng nhưng do có tranh chấp và đương sự lựa chọn Tòa án giải quyết. Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 202; điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông và Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là *"Tranh chấp quyền sử dụng đất nông nghiệp (đất quy hoạch làm nương rẫy)"*.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mùa Chồng L, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Thứ nhất, căn cứ vào Biên bản đi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/9/2018; đối chiếu vào Bản đồ quy hoạch ba loại rừng năm 2005; Bản đồ giao đất, giao rừng năm 2014 của huyện Điện Biên Đông có căn cứ xác định: Mảnh đất đang tranh chấp có diện tích 9.420m^2, thuộc khoảnh 6, tiểu khu 802; được quy hoạch làm đất nương, rẫy và chưa được cơ quan Nhà nước cấp, giao cho tổ chức, cá nhân nào sử dụng. Như vậy việc nguyên đơn ông Mùa Chồng L cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0051QSDĐ/300/QĐ-UB/H-2004 ngày 12/3/2004 để chứng minh là mảnh đất trên đã được cấp giấy chứng nhận cho gia đình ông là không có căn cứ. Sự việc này nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng đã có lời khai là do không hiểu biết nên cung cấp không chính xác và tiếp tục đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn ông Mùa Chồng L, bị đơn Lầu Chứ V; lời khai của nguyên trưởng bản Huổi Dên, bản Tin Tốc và một số hộ dân cùng canh tác với các đương sự cũng như ý kiến của UBND xã Pú Hồng thì có căn cứ để khẳng định khu đất đang tranh chấp được gia đình ông Lầu Chứ V khai phát làm nương từ năm1985 đến năm 1992 sau đó không tiếp tục sử dụng nữa do đất hết màu mỡ. Từ năm 1992 đến khi xảy ra tranh chấp tháng 4/2018 gia đình ông Lầu Chứ V không canh tác trên diện tích đất đó, mà có một thời gian nhân dân trong bản đến chăn thả gia súc sau đó từ năm 1997, gia đình ông Mùa Chồng L đến canh tác cho đến khi xảy ra tranh chấp là đúng thực tế. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để khẳng định từ năm 1997 đến tháng 4/2018 gia đình ông Mùa Chồng L đã sử dụng canh tác trên khu đất tranh chấp liên tục trong gần 21 năm, không tranh chấp với ai.

Thứ ba, việc gia đình ông Mùa Chồng L tuy chưa được Nhà nước cấp, giao khu đất trên để sử dụng nhưng gia đình ông Mùa Chồng L đã khai hoang, canh tác sử dụng để làm nương và chăn thả gia súc là phù hợp với quy hoạch sử dụng đất nương rẫy đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quy hoạch trong Bản đồ quy hoạch 03 loại rừng năm 2005 và cũng phù hợp với ý kiến của UBND xã Pú Hồng trả lời Tòa án qua công văn số 20/CV-UBND ngày 05/10/2018. Việc này cũng phù hợp với chủ trương quản lý đất đai chưa sử dụng của Nhà nước được quy định tại khoản 2 Điều 165 Luật đất đai 2013 "*Nhà nước khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư để đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt*".

Thứ tư, việc gia đình ông Mùa Chồng L tuy tự cải tạo, sử dụng diện tích đất được quy hoạch làm nương rẫy trong một thời gian dài nhưng không đăng ký và làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là do tình hình thực tế tại địa phương xã Pú Hồng chưa có chủ trương tổ chức cho nhân dân thực hiện quyền kê khai, đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nương rẫy. Sự việc này, UBND xã Pú Hồng đã có văn bản số 20/ CV-UBND ngày 05/10/2018 thể hiện thực trạng trên.

Thứ năm, Hội đồng xét xử không đồng ý với lập luận của bị đơn ông Lầu Chứ V cho rằng mảnh đất trên gia đình ông khai phá đầu tiên vào năm 1985, dù có bỏ hoang, không làm nhưng theo phong dân tộc Mông thì khu đất đó vẫn là của gia đình ông. Bởi lẽ, gia đình bị đơn Lầu Chứ V chỉ sử dụng, cải tạo đất trong một thời gian ngắn (như bị đơn khai làm từ năm 1985 đến năm 1992) sau đó bỏ hoang không quay lại cải tạo canh tác nữa. Mặc khác theo nguyên tắc chung trong việc sử dụng đất nếu không sử dụng một thời gian nhất định sẽ bị Nhà nước thu hồi lại như quy tại khoản 5 Điều 14 của Luật đất đai năm 1987 Nhà nước sẽ thu hồi đất được giao mà không sử dụng trong 6 tháng liền; hay tại khoản 3 Điều 26 Luật đất đai năm 1993 quy định đất không sử dụng trong thời hạn 12 tháng liền sẽ bị thu hồi và đến Luật đất đai năm 2003; 2013 đều quy định đất trồng cây hàng năm không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục;

đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn 18 tháng liên tục; đất trồng rừng không được sử dụng trong thời hạn 24 tháng liên tục sẽ bị Nhà nước thu hồi. Trong khi đó gia đình bị đơn Lầu Chứ V không sử dụng đất trong một thời gian dài tính từ năm 1992 - đến tháng 4/2018 gần 26 năm. Hơn nữa phong tục canh tác du canh, du cư của một số đồng bào dân tộc thiểu số trong đó có đồng bào dân tộc Mông hiện nay Đảng và Nhà nước ta đang tuyên truyền dỡ bỏ và có nhiều chính sách hỗ trợ để đồng bào dân tộc định canh định cư và chính phong tục này cộng đồng dân cư tại địa phương mà Tòa án lấy ý kiến của một số hộ dân canh tác cùng trong bản Huổi Dên và bản Tin Tốc và UBND xã Pú Hồng cũng có ý kiến không đồng ý với phong tục đó.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mùa Chồng L buộc ông Lầu Chứ V phải trả lại diện tích đất 9.420m^2 thuộc khoảnh 6, tiểu khu 802 cho ông Mùa Chồng L. Tạm giao diện tích đất trên cho ông Mùa Chồng L tiếp tục sử dụng, ông Lầu có trách nhiệm sử dụng, kê khai làm thủ tục theo quy định của Luật đất đai khi có chủ trương tại địa phương.

Do diện tích khoảnh 6, thuộc tiểu khu 802 có diện tích rất rộng là 2.32,4 ha và hiện nay có nhiều hộ dân canh tác trên diện tích đó, mà chính quyền địa phương chưa kiểm kê xác định được, các hộ dân canh tác luôn luôn thay đổi do phong tục cách tác du canh, Tòa án không thể xác minh để làm rõ tứ cận của khu đất đang tranh chấp giữa ông Mùa Chồng L và ông Lầu Chứ V. Cho nên Hội đồng xét xử tuyên giao theo tọa độ cụ thể, khu đất đang tranh cấp có diện tích 9.420m^2 thuộc khoảnh 6, tiểu khu 802 có tọa độ là (X - 521007; Y- 2330488).

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Mùa Chồng L về việc đề nghị Tòa án cho thu hoạch lúa trên đất tranh chấp để chia đôi hoặc tịch thu sung quỹ Nhà nước. Hội đồng xét xử xét thấy đây là yêu cầu mới của nguyên đơn đưa ra tại phiên hòa giải ngày 09/10/2018 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu đó. Do yêu cầu này liên quan đến việc giải quyết vụ án và để giải quyết vụ án một cách triệt để, Hội đồng xét xử cần chấp nhận xem xét giải quyết theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu này, Hội đồng xét xử xét thấy. Thực tế trên diện tích đất 9.420m^2 thuộc khoảnh 6, tiểu khu 802 có lúa nương do bị đơn ông Lầu Chứ V gieo trồng đến ngày Tòa án đưa vụ việc ra xét xử lúa chưa thu hoạch. Xét thấy việc gia đình ông Lầu Chứ V tự ý gieo lúa trên diện tích đang tranh chấp trong khi có yêu cầu của UBND xã Pú Hồng cần giữ nguyên hiện trạng để chờ kết quả giải quyết là cố ý vi phạm, thách thức cơ quan Nhà nước đang giải quyết; trong khi khu đất trên chưa được Nhà nước giao cho tổ chức, cá nhân nào nên lẽ ra cần phải tịch thu toàn bộ sản lượng lúa sau thu hoạch sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, xét thấy hoàn cảnh gia đình của bị đơn Lầu Chứ V thuộc hộ nghèo, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, là đồng bào dân tộc Mông còn nhiều hạn chế về hiểu biết pháp luật và sản lượng lúa cũng chưa thể xác định được việc xử lý thu hoạch lúa tịch thu sung vào ngân sách Nhà

nước gây khó khăn cho cơ quan thi hành án. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần để cho gia đình bị đơn Lầu Chứ V thu hoạch xong vụ lúa này về sử dụng. Sau khi thu hoạch xong phải trả lại toàn bộ diện tích đất cho ông Mùa Chồng L. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Lầu Chứ V khai hiện tại gia đình ông đã thu hoạch xong vụ lúa nương trồng trên diện tích 9.420m^2 đất tranh chấp. HĐXX chấp nhận.

[4]. Xét chi phí tố tụng đi xem xét thẩm định tại chỗ trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết tranh chấp các đương sự đã thống nhất đề nghị Tòa án đi xem xét, thẩm định tại chỗ. Mỗi đương sự nộp tạm ứng chi phí đi xem xét là 1.350.000đ. Tòa án đã tiến hành đi xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật và đã chi trả cho Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ hết 2.700.000đ. Nay, kết quả giải quyết vụ án nguyên đơn đã đươc Tòa án chấp nhận. Do đó bị đơn ông Lầu Chứ V sẽ phải chịu toàn bộ chi phí đi xem xét thẩm định tại chỗ theo khoản 1 Điều 157; Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, ông Lầu Chứ V phải trả lại cho ông Mùa Chồng L số tiền tạm ứng chi phí đi xem xét thẩm định tại chỗ mà ông Mùa Chồng L đã nộp là 1.350.000đ.

[6] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận cho nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên xét điều kiện kinh tế của bị đơn Lầu Chứ V thấy rằng gia đình thuộc hộ nghèo có giấy chứng nhận số 35/GCN-UBND ngày 21/01/2018 và gia đình sinh sống tại khu vực kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Cho nên cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 2 Điều 165; Điều 202; điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mùa Chồng L. Buộc ông Lầu Chứ V trả lại cho ông Mùa Chồng L diện tích 9.420m^2 thuộc khoảnh 6, tiểu khu 802. Tạm giao diện tích 9.420m^2 (có tọa độ X-521007; Y-2330488), thuộc khoảnh 6, tiểu khu 802 cho ông Mùa Chồng L tiếp tục sử dụng, ông Lầu có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước về quan lý đất đai ở địa phương để kê khai, làm thủ tục theo Luật đất đai.

2. Về chi phí đi xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Lầu Chứ V trú tại bản Huổi Dên, xã Pú Hồng, huyện Điện Biên Đông trả cho ông Mùa Chồng L trú tại bản Tin Tốc B, xã Pú Hồng, huyện Điện Biên Đông số tiền 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) mà ông Lầu đã bỏ ra tạm ứng khi đi xem xét thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày ông Mùa Chồng L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lầu Chứ V không tự nguyện thi hành đối với khoản phải trả cho ông Lầu thì ông Và phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lầu Chứ V.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 02 tháng 11 năm 2018.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐBĐ;
- CCTHADS huyện ĐBĐ;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Hồng Quang